

PHIẾU ÔN LUYỆN CUỐI TUẦN - TOÁN LỚP 4

TUẦN 2

Phần I. Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ cái (A, B, C, D) đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Số “Một trăm linh sáu nghìn tám trăm hai mươi bảy” được viết là:

- A. 16 827 B. 160 827 C. 106 827 D. 168 270

Câu 2. Số “Bảy trăm triệu” có số chữ số 0 là:

- A. 7 B. 10 C. 9 D. 8

Câu 3. Số 325 600 608 đọc là:

- A. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu mươi nghìn sáu trăm linh tám.
B. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn sáu trăm linh tám.
C. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu nghìn sáu trăm linh tám.
D. Ba trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn sáu trăm tám mươi.

Câu 4. Giá trị của chữ số 6 trong số 4 576 035 bằng:

- A. 60 000 B. 6 000 C. 600 000 D. 6 000 000

Câu 5. Lớp đơn vị của số 532014 gồm các chữ số:

- A. 5, 3, 2 B. 3, 2, 0 C. 4 D. 0, 1, 4

Câu 6. Biết : 30 000, 40 000, 50 000,... Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 60 000 B. 510 000 C. 600 000 D. 70 000

Phần II. Tự luận

Câu 1. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

99 831 ... 98 127	853 102 ... 853 201
651 021 ... 651 021	72 361 ... 732 160
13 823 ... 13 825	7 384 ... 7 382

Câu 2. a. Viết số bé nhất có 3 chữ số.

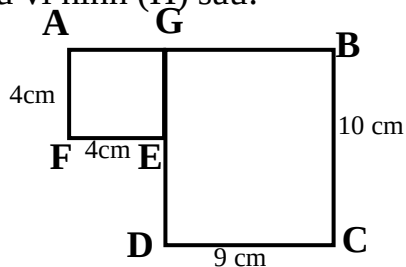
b. Viết số lớn nhất có 5 chữ số.

c. Viết số lớn nhất có 6 chữ số khác nhau.

d. Viết số bé nhất có 7 chữ số giống nhau.

Câu 3. Từ các số 5, 0, 9, hãy viết tất cả các số có đủ 3 chữ số đó rồi tìm tổng của chúng.

Câu 4. Tính chu vi hình (H) sau:



Hình H

“Không có bài toán nào không giải được. Chúng ta phải biết và sẽ biết.”

(David Hilbert)